

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/HS-ST
Ngày: 27/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Vũ Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn H; Tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 18/6/1985 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Phạm Mạnh H, sinh năm 1954; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Cùng trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Anh, chị, em ruột: gia đình bị cáo có 02 anh, em; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Vợ: Lèo Thị X - sinh năm 1990, trú tại: huyện B, tỉnh Cao Bằng (đã ly hôn); Con: chưa có.

Tiền sự: Ngày 14/01/2019, Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo quyết định số: 07/QĐ-XPVPHC.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 26/11/2007, Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Triệu Minh H; Tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 18/10/1983 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Con ông: Triệu Quốc T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Anh, chị, em ruột: gia đình bị cáo có 03 anh, chị, em; bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Nông Minh T, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Con: 01 con, sinh năm 2009.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/3/2006, Công an thị xã Cao Bằng (nay là Công an thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo quyết định số: 359/QĐ-XPHC.

- Ngày 27/10/2006, Công an thị xã Cao Bằng (nay là Công an thành phố Cao Bằng) tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo quyết định số: 202/QĐ-XPVPHC.

- Ngày 26/3/2013, Công an phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo quyết định số: 06/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Anh T; Tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 14/10/1990 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Lê Thanh H, sinh năm 1965; Con bà: Đào Thị M, sinh năm 1970; Cùng trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1989, trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Con: 03 con (lần lượt sinh năm 2012, 2015 và 2018).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 04/6/2018, Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác bằng

hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng (hai triệu năm nghìn đồng) theo quyết định số: 136/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Ngô Ngọc Q; Tên gọi khác: không; Giới tính: nữ; Sinh ngày: 17/7/1991 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: xóm B, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: xóm B, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Ngô Quang V, sinh năm 1957; Con bà: Mã Thị C, sinh năm 1963; Cùng trú tại: xóm B, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Anh, chị, em ruột: Gia đình bị cáo có 03 anh, chị, em; bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Chồng: Mai T L, sinh năm 1987, trú tại: thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Con: 01 con, sinh năm 2015.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 05/12/2018, Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt cảnh cáo.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đào Thị M - sinh năm 1970; Trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người làm chứng:

- Phan Đức T - sinh năm: 1987; Trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Nông Minh T - sinh năm 1984; Trú tại: tổ C, phường H, thành phố C; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 15 phút ngày 04/7/2019 tại phòng nghỉ số 30M Khách sạn M thuộc tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Công an phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã phát hiện và bắt quả tang Lê Anh T (sinh năm 1990; trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Ngô Ngọc Q (sinh năm 1991; trú tại: xóm B, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 02 (hai) gói nilon bên trong mỗi gói đều chứa chất tinh thể màu trắng có tổng khối lượng là 1,72g (một phẩy bảy hai gam) thu giữ trong túi da màu đen trong hộp cơm để bên trái phòng vệ sinh của phòng 30M; tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen biển kiểm soát 11X1-044.4S; 01 (một) cân điện tử hình tròn màu đen; 01 (một) điện thoại di động màu đen Nokia được thu giữ trên giường trong phòng nghỉ số 30M Khách sạn M có số IMEI: 354496097319976; 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng có chữ OPPO thu giữ trên tay T tại phòng nghỉ số 30M khách sạn M có số IMEI: 863632039066671; 01 (một) điện thoại di động màu vàng có chữ SAMSUNG để trên giường trong phòng 30M Khách sạn M có số IMEI: 354820/09/238391/9. Lê Anh T khai nhận chất tinh thể màu trắng nói trên là ma túy “đá”, T mua với một người đàn ông tên H nhà ở phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Vào hồi 08 giờ 00 phút cùng ngày, tại chỗ ở của Triệu Minh H (sinh năm 1983; trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Triệu Minh H đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong có 01 (một) ống nhựa màu vàng, 02 (hai) ống nhựa màu xanh bên trong mỗi ống đều chứa chất tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 0,52g (không phẩy năm hai gam), ký hiệu Mẫu “QT”; 06 (sáu) gói nhỏ giấy bạc màu vàng, 02 (hai) gói nhỏ giấy bạc màu trắng bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột có tổng khối lượng 0,68g (không phẩy sáu tám gam), ký hiệu Mẫu “QT01” (toàn bộ số ma túy trên được thu giữ trong túi quần đằng sau bên phải chiếc quần H đang mặc); 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá”; 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 0,25g (không phẩy hai lăm gam), ký hiệu Mẫu “QT02” thu giữ trên bàn trong buồng ngủ tầng hai nhà của H; 01 (một) hộp nhựa màu trắng bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng và 02 (hai) gói bằng giấy bạc màu vàng chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột có tổng khối lượng 0,8g (không phẩy tám gam) thu giữ trong vỏ gối trên giường trong phòng ngủ của H; 01 (một) cân điện tử màu đen bạc được thu giữ dưới chiếu trên giường trong phòng ngủ của H; tiền Việt Nam 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ trong túi quần đằng sau bên phải chiếc quần H đang mặc; 01 (một) điện thoại di động mặt trước và sau đều có chữ NOKIA màu đen trắng có số IMEI: 355820000073405 thu giữ trong túi quần đằng trước bên phải chiếc quần H đang mặc. Khi cơ quan công an bắt quả tang đối với H thì trong nhà của H còn có Phạm Văn H (sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Nông Minh T (sinh năm 1984; trú tại: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đang nằm ngủ tại buồng ngủ tầng hai nhà H. H khai nhận toàn bộ số ma túy kể trên là của Phạm Văn H nhờ H bán hộ.

T hành kiểm tra trên người của H phát hiện và thu giữ: tiền Việt Nam 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trong túi quần đằng sau bên phải chiếc quần H đang mặc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen của H có số IMEI: 869115045298011 được thu giữ trong phòng ngủ của H; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng số IMEI: 967609031320575 thu giữ trên tay của H; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B, xe không có gương của H.

Tiến hành kiểm tra trên người của T phát hiện và thu giữ: 01 (một) điện thoại di động mặt sau có chữ Iphone màu trắng bạc có số IMEI: 354436060092309 thu trên tay T; 01 (một) điện thoại di động mặt trước có chữ ITEL màu xanh, số IMEI: 359623092711262 được thu trên giường trong phòng ngủ của H; tiền Việt Nam 1.710.000 đồng (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) thu giữ trong túi quần đằng trước bên trái chiếc quần T đang mặc.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phạm Văn H. Tại chỗ ở của H (thuộc tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) thu giữ: 01 (một) cân điện tử màu đen bạc thu giữ trong hộp gỗ để trên giường ngủ góc trong cùng của quán cơm; tiền Việt Nam 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) thu giữ trong chiếc giấy để dưới gầm giường góc trong cùng của quán cơm; 01 (một) bình nhựa có nắp màu xanh, trên nắp có hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa giải khát, một lỗ cắm ống thủy tinh thu dưới gầm giường trong cùng của quán cơm. Tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của H (thuộc tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 12 và 16/7/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 140 và 144 đối với các vật chứng của vụ án. Tại bản Kết luận giám định số: 3970/C09-TT2 ngày 20/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “*Mẫu tinh thể trong các phong bì ký hiệu QT01, QT02 và QT gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine*”. Tại bản Kết luận giám định số: 211/GĐMT ngày 24/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*02 (hai) mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Heroine*”.

Quá trình điều tra đủ căn cứ để khẳng định: Do bản thân sử dụng ma túy nên khoảng 07 giờ ngày 03/7/2019, Phạm Văn H một mình đi đến khu vực bến xe khách cũ thuộc tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho người khác kiếm lời. Tại đây, H gặp và mua với một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên và địa chỉ) được 02 (hai) gói ma túy gói bằng nilon màu trắng, trong đó: 01 (một) gói giấy bạc màu vàng bên trong chứa Heroine và 01 (một) gói bên trong chứa Methamphetamine. Tất cả số ma túy trên H mua với số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, H đi về chỗ ở tại tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, H nhận được điện thoại của Lê Anh T gọi đến hỏi mua ma túy, loại Methamphetamine với số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). H đồng ý và hẹn T đến khu vực đường tròn đầu cầu S thuộc tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để giao dịch mua bán ma túy. Thỏa thuận xong, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, biển kiểm soát 11X1-044.4S đến điểm hẹn gặp H, còn H đi xe taxi đến. Tại đây, T đưa cho H 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). H cầm tiền và lấy từ trong người ra đưa cho T 01 (một) gói nilon màu trắng viền xanh bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine. Sau khi trao đổi mua bán ma túy xong, H đi xe taxi về chỗ ở tại tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển kiểm soát 11B1-

362.1B và đem theo 01 (một) gói Heroine, 01 (một) gói Methamphetamine đến chỗ ở của Triệu Minh H tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng với mục đích nhờ H bán hộ. Đến nơi, H lấy Methamphetamine mang sẵn trong người ra để cùng với H sử dụng, đồng thời gọi điện thoại cho Nông Minh T là bạn của H đến nhà H để cùng sử dụng ma túy. Trong lúc H và H đang sử dụng ma túy thì H nói với H về việc H đem ma túy đến để cho H bán hộ, đổi lại H sẽ cho H ma túy để sử dụng. H đồng ý. Một lúc sau, T đến nhà H và cùng với H, H sử dụng ma túy. Việc H và T cùng nhau sử dụng ma túy tại chỗ ở của H, H biết nH để mặc cho H và H sử dụng, còn H và T cũng không phải xin phép H.

Đến rạng sáng ngày 04/7/2019, T đi về nhà còn H đem 02 (hai) gói ma túy mang theo người và cùng với H chia nhỏ số ma túy. Đối với gói Methamphetamine, H và H chia nhỏ và đựng trong 03 (ba) ống nhựa được bịt kín hai đầu trong đó có 01 (một) ống màu vàng và 02 (hai) ống màu xanh. Số Methamphetamine còn lại, H để ở trên bàn trong phòng ngủ của H. Còn gói Heroine, H và H chia ra được 11 (mười một) gói nhỏ, trong đó có 08 (tám) gói được gói bằng giấy bạc màu vàng, 02 (hai) gói được gói bằng giấy bạc màu trắng, 01 (một) gói được gói bằng nylon màu trắng. Chia ma túy xong, H đưa cho H 08 (tám) gói nhỏ bằng giấy bạc có chứa Heroine và 03 (ba) ống nhựa chứa Methamphetamine để H bán hộ. Số Heroine còn lại, H cho vào trong hộp nhựa rồi cất vào trong vỏ gói trên giường trong phòng ngủ của H. Sau đó H gọi điện thoại cho T mua đồ ăn sáng đến nhà H cho H. Một lúc sau, T đem đồ ăn sáng đến nhà H. Tại đây H tiếp tục lấy Methamphetamine từ túi nylon để ở trên bàn trong phòng ngủ nhà H ra và cùng với T và H sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ số đồ vật, tài sản như đã nêu ở trên.

Đối với Lê Anh T, sau khi mua được Methamphetamine với H, T đem về phòng nghỉ số 30M Khách sạn M thuộc tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Trong ngày 03/7/2019, T bớt lấy một ít Methamphetamine ra để cùng với Ngô Ngọc Q sử dụng. Số Methamphetamine còn lại, T chia thành 02 (hai) gói nhỏ được gói bằng nylon màu trắng và để ở trên giường trong phòng nghỉ. Đến rạng sáng ngày 04/7/2019, khi Q đang ở trong nhà tắm, T nghe thấy tiếng gõ cửa nên đã cho toàn bộ số ma túy kể trên vào trong chiếc túi bằng da màu đen của Q rồi đưa cho Q cất giấu vào trong nhà tắm. Khi nhận được chiếc túi bằng da màu đen của T đưa cho, Q biết được bên trong chiếc túi là Methamphetamine mà Q với T vừa sử dụng xong chưa hết và lo sợ bị cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện nên Q đã đem toàn bộ số ma túy T đưa cất giấu vào trong vỏ hộp cơm đang để ở trong phòng tắm. Sau đó, tổ công tác Công an phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng đã tiến hành kiểm tra phòng nghỉ và phát hiện thu giữ toàn bộ số vật chứng như đã nêu ở trên. Ngoài ra, trong ngày 01/7/2019, khi T và Q đang sử dụng Methamphetamine tại phòng nghỉ số 305 Khách sạn M thì có Phan Đức T (sinh năm 1987; trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đến chơi và sử dụng ma túy cùng. Nguồn gốc số Methamphetamine này, T khai mua với một người đàn ông tên H nhà ở khu vực phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) vào ngày 01/7/2019.

Hành vi của Phạm Văn H đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của Triệu Văn H đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251; tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của Lê Anh T, Ngô Ngọc Q đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản Cáo trạng số: 105/CT-VKSTP ngày 14/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Triệu Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251; tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Anh T, bị cáo Ngô Ngọc Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến và nhất trí đối với kết luận giám định số: 3970/C09-TT2 ngày 20/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; kết luận giám định số: 211/GĐMT ngày 24/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng. Số ma túy bị cáo T và bị cáo Q bị thu giữ, số ma túy thu giữ quả tang và khám xét tại nhà bị cáo Triệu Minh H đều là ma túy của bị cáo mua được ở bến xe khách cũ. Về hành vi sử dụng ma túy với bị cáo Triệu Minh H và Nông Minh T, bị cáo khẳng định chỉ được sử dụng chung ma túy với hai người đó 01 (một) lần vào rạng sáng ngày 04/7/2019.

Về vật chứng bị thu giữ, bị cáo trình bày và có ý kiến như sau: số tiền 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại của số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo bán ma túy cho bị cáo T. Chiếc điện thoại di động OPPO màu đen và chiếc điện thoại di động OPPO màu vàng là của bị cáo và bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại di động OPPO màu vàng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy với bị cáo T. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B được mua bằng tiền của bố bị cáo. Mặc dù chiếc xe này đứng tên bị cáo trên giấy đăng ký xe nhưng gia đình bị cáo vẫn sử dụng chung hàng ngày. Chiếc xe này bị cáo mang theo ma túy đến nhà H để sử dụng. Chiếc cân điện tử màu đen bạc bị cáo nhặt được, bị cáo thấy chiếc cân này hỏng nên mang về sửa. Số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo phụ giúp bố mẹ bán cơm mà có. Chiếc bình nhựa có nắp màu xanh trên nắp có hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa giải khát, một lỗ cắm ống thủy tinh bị cáo dùng để sử dụng ma túy đá. Bị cáo đề nghị được trả

chiếc điện thoại di động OPPO màu đen, chiếc xe máy và số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Minh H thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến và nhất trí đối với kết luận giám định số: 3970/C09-TT2 ngày 20/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định số: 211/GĐMT ngày 24/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng. Bị cáo nhất trí, không có ý kiến gì về khối lượng ma túy cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng cân xác định liên quan đến số ma túy bị cáo Phạm Văn H đưa cho bị cáo bán hộ là 0,52g Methamphetamine và 0,68g Heroine. Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo khẳng định bị cáo chỉ được sử dụng chung ma túy với bị cáo Phạm Văn H, Nông Minh T 01 (một) lần vào rạng sáng ngày 04/7/2019. Về vật chứng bị thu giữ, bị cáo trình bày và có ý kiến như sau: Bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá” là đồ của bị cáo dùng để sử dụng ma túy. Chiếc cân điện tử màu đen bạc là cân của bị cáo và bị cáo nhờ bị cáo H sửa hộ. Số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền của bị cáo lao động mà có. Chiếc điện thoại di động NOKIA, màu đen trắng là điện thoại của bị cáo dùng liên lạc hàng ngày. Bị cáo đề nghị được trả lại chiếc điện thoại và số tiền trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Anh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến và nhất trí đối với kết luận giám định số: 3970/C09-TT2 ngày 20/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Về vật chứng bị thu giữ, bị cáo trình bày và có ý kiến như sau: Bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là đồ bị cáo dùng để sử dụng ma túy. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, biển kiểm soát 11X1-044.4S là của mẹ bị cáo. Khi bị cáo mang chiếc xe đi mua ma túy mẹ bị cáo không biết và hiện nay chiếc xe đã được trả lại cho mẹ bị cáo. Chiếc cân điện tử màu đen là bị cáo mượn của bị cáo H về để cân ma túy. Chiếc điện thoại di động màu đen Nokia và chiếc điện thoại di động màu vàng trắng OPPO là điện thoại của bị cáo và bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại di động màu đen Nokia để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với bị cáo Phạm Văn H. Bị cáo đề nghị được trả lại chiếc điện thoại di động màu vàng trắng OPPO.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Ngọc Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến và nhất trí đối với kết luận giám định số: 3970/C09-TT2 ngày 20/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Số ma túy bị cáo và bị cáo Lê Anh T bị thu giữ có nguồn gốc từ bị cáo Lê Anh T mua với bị cáo Phạm Văn H. Khi bị cáo T mua ma túy về bị cáo đã cùng sử dụng chung với bị cáo T. Và bị cáo biết trong túi da đen bị cáo T đưa cho bị cáo cất giấu có chứa ma túy đá. Về vật chứng bị thu giữ, bị cáo trình bày và có ý kiến như sau: Chiếc điện thoại di động màu vàng SAMSUNG và số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là tài sản của bị cáo. Chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo đề nghị được nhận lại cùng với số tiền trên.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị M tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Anh T tại phiên tòa liên quan đến chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, biển kiểm soát 11X1-044.4S. Tại phiên tòa, bà M vắng mặt nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bà M xác nhận đã nhận lại chiếc xe máy và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, người làm chứng Nông Minh T vắng mặt. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra, Nông Minh T khai nhận được sử dụng ma túy với bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Triệu Minh H vào ngày 03/7/2019 và rạng sáng ngày 04/7/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo như sau:

* Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H:

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Văn H, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo về cơ bản đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân cũng như các đồng phạm, cụ thể như sau: Khoảng 19h30 ngày 03/7/2019 khi đang đi xe taxi để mua cơm thì bị cáo nhận được điện thoại của Lê Anh T gọi hỏi mua ma túy đá với số tiền là 4.500.000 đồng và H đã đồng ý rồi hẹn T đến khu vực đường tròn bên cầu Sông Hiến để giao dịch. Sau khi bán ma túy cho T xong H đi taxi về nhà lấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển kiểm soát 11B1-362.1B và đem theo 02 (hai) gói ma túy đến chỗ ở của Triệu Minh H tại tổ B, phường Đ, thành phố C với mục đích đem ma túy đến cho H để H bán hộ cho H. Tại nhà của H sau khi chia ma túy xong H đưa cho H 08 gói nhỏ bằng giấy bạc có chứa Heroine và 03 ống nhựa chứa Methamphetamine để H bán hộ cho H.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Phạm Văn H cùng với bị cáo Triệu Minh H và Nông Minh T tại nhà của bị cáo Triệu Minh H: Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn H khai nhận khi đến chỗ ở của H, H lấy ma túy đá mang sẵn trong người ra để cùng với H sử dụng đồng thời gọi điện thoại cho Nông Minh T là bạn của H đến nhà của H để cùng sử dụng ma túy. Sau đó T đến nhà H và cùng với H, H sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong đến rạng sáng ngày 04/7/2019, T đi về nhà, H đem 02 (hai) gói ma túy mang theo người ra và cùng với H chia nhỏ số ma túy đá ra được 03 (ba) ống nhựa được bịt kín hai đầu, trong đó có 01 (một) ống màu vàng và 02 (hai) ống màu xanh, số ma túy đá còn lại H để ở trên bàn trong phòng ngủ của H. Còn gói Heroine thì chia ra được 11 (mười một) gói nhỏ, trong đó có 08 (tám) gói được gói bằng giấy bạc màu vàng, 02 (hai) gói được gói bằng giấy bạc màu trắng, 01 (một) gói được gói bằng nilon màu trắng. Chia ma túy xong H đưa cho H 08 (tám) gói nhỏ bằng giấy bạc có chứa Heroine và 03 (ba) ống nhựa chứa ma túy đá để H bán hộ cho H. Số Heroine còn lại cho vào trong hộp nhựa rồi cất vào trong vỏ gối trên giường trong phòng ngủ của H. Sau đó H gọi điện thoại cho T mua bánh mì đến nhà H cho H. Một lúc sau T đến nhà H. Tại đây, H tiếp tục lấy ma túy đá từ số ma túy để ở trên bàn trong phòng ngủ nhà H ra và cùng với T và H sử dụng cho bản thân.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H thay đổi lời khai cho rằng bị cáo, bị cáo Triệu Minh H và Nông Minh T chỉ được sử dụng ma túy một lần vào rạng sáng ngày 04/7/2019 tại nhà của Triệu Minh H. Xét lời khai tại phiên tòa của

bị cáo Phạm Văn H là không phù hợp với lời khai của người làm chứng Nông Minh T cũng như các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án nên Kiểm sát viên không chấp nhận lời khai này tại phiên tòa của bị cáo. Bởi trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo đều có lời khai thống nhất về số lần sử dụng ma túy tại chỗ ở của bị cáo Triệu Minh H. Các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là các chứng cứ vật chất được thu thập theo trình tự, thủ tục tố tụng và việc bị cáo thay đổi lời khai nhằm mục đích giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Triệu Minh H. Do đó, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận.

* Về hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Minh H:

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Minh H có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Văn H. Trong đó thể hiện rõ vai trò đồng phạm của H trong việc giúp H bán ma túy cho những người nghiện khác để thu lợi bất chính.

Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy: Trong quá trình điều tra, bị cáo Triệu Minh H cũng như bị cáo Phạm Văn H đều có lời khai thống nhất với nhau về việc H cho phép H và T là những người bạn nghiện chất ma túy được phép sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở thuộc quyền chiếm hữu và sử dụng của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo H thay đổi lời khai và cho rằng bị cáo chỉ được cùng với bị cáo Phạm Văn H và Nông Minh T sử dụng ma túy 01 (một) lần tại chỗ ở của bị cáo vào rạng sáng ngày 04/7/2019. Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo là không phù hợp với lời khai của người làm chứng Nông Minh T cũng như các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án nên Kiểm sát viên không chấp nhận lời khai này tại phiên tòa của bị cáo. Bởi trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo H đều có lời khai thống nhất về số lần sử dụng ma túy tại chỗ ở của bị cáo. Các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là các chứng cứ vật chất được thu thập theo trình tự, thủ tục tố tụng và việc bị cáo thay đổi lời khai nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm hình sự của bản thân bị cáo cho nên lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận.

* Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Anh T:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Văn H về nội dung diễn biến quá trình trao đổi và thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy giữa T và H. Mua được ma túy T đem về phòng 30M Khách sạn M cùng Q sử dụng. Đến rạng sáng ngày 04/7/2019 Q dậy đi tắm được một lúc thì có Công an đến gõ cửa, do lo sợ nên T đã lấy ma túy để trong túi da nhỏ màu đen ở trên giường trong phòng ngủ đưa cho Q bảo Q giấu vào trong phòng tắm. Sau đó Công an kiểm tra đã phát hiện và thu giữ được số ma túy T đưa cho Q cất giấu trong phòng tắm của phòng nghỉ 30M. Lời khai của bị cáo Lê Anh T về cơ bản là phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trong đó thể hiện rõ vai trò khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bản thân bị cáo.

* Về hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Ngọc Q:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngô Ngọc Q có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Anh T về toàn bộ diễn biến quá trình thực hiện

hành vi phạm tội của bản thân bị cáo và các đồng phạm. Trong đó thể hiện rõ việc bị cáo ở cùng với Lê Anh T từ tối ngày 01/7/2019 đến rạng sáng ngày 04/7/2019 tại các phòng nghỉ của khách sạn M và trong thời gian ở cùng nhau bị cáo đã được sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Lê Anh T. Đến rạng sáng ngày 04/7/2019 khi bị cáo đang tắm trong phòng tắm thì được T gõ cửa và đưa cho 01 chiếc túi xách nhỏ bằng da màu đen bên trong có chứa chất ma túy để nhờ cất hộ vì đang có công an đến gõ cửa kiểm tra. Lúc nhận chiếc túi xách để cất hộ cho T, bản thân bị cáo nhận thức được bên trong chiếc túi xách đó có chứa ma túy nhưng do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo đã cất giấu ma túy hộ cho T. Như vậy hành vi của bị cáo Ngô Ngọc Q đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và giữ vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án.

Như vậy, căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, một lần nữa khẳng định Cáo trạng số: 105/CT-VKSTP ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Triệu Minh H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Anh T, Ngô Ngọc Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý đối với các chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cùng một lúc thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội phạm của nhiều tội.

Trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy do bị cáo Phạm Văn H và Triệu Minh H gây ra thì bản thân các bị cáo đều là những công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm mới đủ điều kiện giáo dục và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong vụ án này bị cáo Phạm Văn H là người trực tiếp đi tìm mua ma túy đem về, vừa trực tiếp chia nhỏ ma túy, vừa trực tiếp tham gia bán ma túy nên bị cáo là người khởi xướng giữ vai trò chính trong vụ án có tính chất đồng phạm và phải chịu hình phạt cao hơn so với đồng phạm khác. Triệu Minh H khi được Phạm Văn H rủ rê cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội đáng lẽ ra bị cáo phải khuyên can bị cáo H nhưng do bản thân mắc nghiện chất ma túy và mong muốn thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy nên bị cáo đã tích cực tham gia cùng bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò là người thực hành tích cực. Hậu quả của hành vi phạm tội là kết quả do các hành vi của mỗi bị cáo thực hiện và do hành vi chung của các bị cáo trong vụ án cùng gây ra. Cho nên các bị cáo phải cùng nhau chịu trách nhiệm hình sự chung đối với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra hành vi của bị cáo Triệu Minh H còn thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma

túy được quy định tại Điều 256 Bộ luật hình sự nên bị cáo còn phải độc lập chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo Phạm Văn H là người có nhân thân xấu. Ngày 26/11/2007, Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/01/2019, Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo không coi đó là bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục sử dụng ma túy, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo cần phải bị áp dụng một hình phạt nghiêm khắc nhất mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, mới tương xứng với hành vi của bị cáo trong lần phạm tội này. Trong vụ án này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số ma túy mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và thu giữ trên người và tại chỗ ở của Triệu Minh H cũng như toàn bộ số ma túy phát hiện và thu giữ tại khách sạn M của Lê Anh T với tổng khối lượng là 3,97 gam. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận đối với việc làm mà bị cáo đã gây ra. Nhưng tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo quanh co, không chịu thừa nhận một số tình tiết của vụ án có giá trị làm cơ sở để quyết định hình phạt đối với các đồng phạm khác cho nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã đưa ra đối với bị cáo.

Bị cáo Triệu Minh H là người có nhân thân xấu, đã từng nhiều lần bị các cơ quan quản lý Nhà nước xử phạt hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục sử dụng ma túy, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo cần phải bị áp dụng một hình phạt nghiêm khắc của Nhà nước mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Trong vụ án này bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và thu giữ trên người của bị cáo là 1,2 gam. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận đối với việc làm mà bị cáo đã gây ra. Nhưng tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo quanh co, không chịu thừa nhận một số tình tiết của vụ án có giá trị để định khung hình phạt đối với bị cáo cho nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã đưa ra đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có cha đẻ ông Triệu Quốc T là thương binh và mẹ đẻ bà Nguyễn Thị T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo cần được xem xét và hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy do bị cáo Lê Anh T và Ngô Ngọc Q gây ra thì bản thân các bị cáo đều là những công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng vì có thái độ coi thường pháp luật và lối sống buông thả nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Lê Anh T là người trực tiếp đi tìm mua ma túy đem về cùng bị cáo Q sử dụng nên bị cáo là người khởi xướng giữ vai trò

chính trong vụ án có tính chất đồng phạm và phải chịu hình phạt cao hơn so với đồng phạm khác. Bị cáo Ngô Ngọc Q khi được T mua ma túy về đã cùng nhau sử dụng và sau đó khi T đưa ma túy cho để cất giấu hộ bị cáo đã cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Đáng lẽ ra bị cáo phải khuyên can bị cáo T nhưng do có thái độ coi thường pháp luật và mong muốn được hưởng lợi từ việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị cáo đã tích cực tham gia cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò là người thực hành tích cực. Hậu quả của hành vi phạm tội là kết quả do các hành vi của mỗi bị cáo thực hiện và do hành vi chung của các bị cáo trong vụ án cùng gây ra. Cho nên các bị cáo phải cùng nhau chịu trách nhiệm hình sự chung đối với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo Lê Anh T là người có nhân thân xấu. Ngày 04/6/2018, Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục tìm mua ma túy về tàng trữ sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên, trong quá trình các cơ quan chức năng giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận đối với việc làm mà bị cáo đã gây ra nên bị cáo cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ngô Ngọc Q là người đã từng bị cơ quan quản lý Nhà nước xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục giao du với những người có nhân thân xấu, tiếp tục sử dụng ma túy, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là người đồng phạm giữ vị trí thứ yếu trong vụ án có tính chất đồng phạm nên theo quy định tại tiểu mục 4 mục I Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì hành vi phạm tội của bị cáo được coi là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo cần được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trong suốt quá trình điều tra bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận đối với hành vi đã gây ra nên bị cáo cần được xem xét để hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (Mẫu QT01) (mẫu 1) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại tổ B, phường Đ, thành phố C; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (Mẫu QT02) (mẫu 2) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại tổ B, phường Đ, thành phố C; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (QT) vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990; HKTT: tổ B, phường H, thành phố C. Hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bắt ngày 04/7/2019; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân khám xét (KX) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại tổ B, phường Đ, thành phố C; 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá”; 01 (một) cân điện tử hình tròn màu đen;

02 (hai) cân điện tử màu đen bạc. Đây là vật chứng của vụ án và các đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần phải tịch thu, tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bị tạm giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng có chữ OPPO có số IMEI 863632039066671; 01 (một) điện thoại di động màu vàng có chữ SAMSUNG có số IMEI 354820/09/238391/9; Tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Quá trình điều tra xác định được các tài sản trên không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của Lê Anh T và Ngô Ngọc Q nên cần trả lại cho Lê Anh T và Ngô Ngọc Q nhưng tạm giữ lại số tiền để bảo đảm việc thi hành án.

Đối với các tài sản bị tạm giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động màu đen Nokia, có số IMEI 354496097319976. Quá trình điều tra xác định được chiếc điện thoại kể trên T đã sử dụng để liên lạc với Phạm Văn H trao đổi việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bị tạm giữ gồm: Tiền Việt Nam 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động mặt trước và sau đều có chữ NOKIA, màu đen trắng, có số IMEI: 355820000073405; Tiền Việt Nam 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, có số IMEI: 869115045298011; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B. Quá trình điều tra xác định được các tài sản trên không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của Phạm Văn H và Triệu Minh H nên cần trả lại cho Phạm Văn H và Triệu Minh H nhưng tạm giữ lại số tiền để bảo đảm việc thi hành án.

Đối với các tài sản bị tạm giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng số IMEI: 967609031320575 và tiền Việt Nam 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra xác định được chiếc điện thoại trên H sử dụng để liên lạc với Lê Anh T trao đổi việc mua bán ma túy và số tiền trên là do bán ma túy mà có được nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền thu được từ việc bán ma túy cho Lê Anh T và Phạm Văn H đã thu được là 4.500.000 đồng, trong đó đã tạm giữ 2.240.000 đồng và H đã tiêu dùng cá nhân hết 2.260.000đ đồng. Đây là khoản tiền do phạm tội mà có được, do vậy cần truy thu để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 256, khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy bản thân các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Triệu Minh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Lê Anh T, Ngô Ngọc Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H hình phạt tù có thời hạn, mức phạt từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 256; khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Minh H hình phạt tù có thời hạn về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mức phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; xử phạt hình phạt tù có thời hạn về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Tổng hợp hình phạt chung là tù có thời hạn với mức phạt từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh T hình phạt tù có thời hạn, mức phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Ngọc Q hình phạt tù có thời hạn, mức phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

b. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (Mẫu QT01) (mẫu 1) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại tổ B, phường Đ, thành phố C; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (Mẫu QT02) (mẫu 2) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại Tổ B, phường Đ, thành phố C; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân (QT) vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990; HKTT: tổ B, phường H, thành phố C. Hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bắt ngày 04/7/2019; 01 (một) phong bì niêm phong ghi: Tang vật cân khám xét (KX) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019 tại Tổ B, phường Đ, thành phố C; 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá”; 01 (một) cân điện tử hình tròn màu đen; 02 (hai) cân điện tử màu đen bạc.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen Nokia, có số IMEI 354496097319976; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng số IMEI: 967609031320575 và tiền Việt Nam 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với Phạm Văn H số tiền 2.260.000 đồng do phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo Lê Anh T 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng có chữ OPPO số IMEI 863632039066671. Trả lại cho bị cáo Ngô Ngọc Q 01 (một) điện thoại di động màu vàng có chữ SAMSUNG có số IMEI 354820/09/238391/9; tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng cần tạm giữ lại số tiền để đảm bảo việc thi hành án. Trả lại cho Phạm Văn H tiền Việt Nam 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ lại số tiền để đảm bảo việc thi hành án; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, có số IMEI: 869115045298011; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B. Trả lại cho Triệu Minh H tiền Việt Nam 230.000

đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động mặt trước và sau đều có chữ NOKIA, màu đen trắng, có số IMEI: 355820000073405 nH cần tạm giữ lại số tiền để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Triệu Minh H: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; kết luận giám định; vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 03/7/2019 tại khu vực đầu cầu S thuộc tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng Phạm Văn H đã bán cho Lê Anh T 1,72g (một phẩy bảy hai gam) Methamphetamine với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Rạng sáng ngày 04/7/2019 tại nhà H, Phạm Văn H đem 02 (hai) gói ma túy mang theo người và cùng H chia nhỏ số ma túy đã được 03 (ba) ống nhựa được bịt kín hai đầu trong đó có 01 (một) ống màu vàng, 02 (hai) ống màu xanh (tổng khối lượng 0,52g); số ma túy đã còn lại H để ở trên bàn trong phòng ngủ của H (khối lượng 0,25g). Còn gói Heroine thì chia được 11 (mười một) gói nhỏ trong đó 08 (tám) gói được gói bằng giấy bạc màu vàng, 02 (hai) gói được gói bằng giấy bạc màu trắng, 01 (một) gói được gói bằng nilon màu trắng (tổng khối lượng 1,48g). Chia ma túy xong H đưa cho H 08 (tám) gói nhỏ bằng giấy bạc có chứa Heroine (khối lượng 0,68g) và 03 (ba) ống nhựa chứa ma túy đá (khối lượng 0,52g) để H bán hộ cho H, còn H sẽ được H cho ma túy để sử dụng. Tổng số ma túy 3,97g này Phạm Văn H mua vào ngày 03/7/2019 với một người đàn ông không quen biết tại khu vực bến xe khách cũ thuộc phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng với số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) với mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại cho những người nghiện khác kiếm lời.

Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Triệu Minh H: Tại cơ quan điều tra, bị cáo Triệu Minh H và bị cáo Phạm Văn H đều thừa nhận được cùng Nông Minh T sử dụng chung ma túy 02 (hai) lần tại nhà ở của bị cáo Triệu Minh H. Tại phiên tòa, hai bị cáo xác nhận việc lấy lời khai đối với hai bị cáo tại cơ quan điều tra là khách quan, không bị ép cung, bức cung hay sử dụng nhục hình và hai bị cáo hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với Nông Minh T. Tuy nhiên, hai bị cáo đã có sự thay đổi lời khai và cùng xác nhận chỉ được sử dụng chung ma túy với Nông Minh T 01 (một) lần tại nhà ở của bị cáo Triệu Minh H vào rạng sáng ngày 04/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận và nhằm mục đích giảm nhẹ tội cho bị cáo Triệu Minh H. Như vậy, căn cứ vào lời khai của người làm chứng Nông Minh T; các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Triệu Minh H đã có hành vi cho Phạm Văn H và Nông Minh T là những người mà H biết là người nghiện ma túy nhưng vẫn để mặc cho họ sử dụng trái phép chất ma túy (Methamphetamine) 02 (hai) lần vào đêm ngày 03/7/2019 và rạng sáng ngày 04/7/2019 tại chỗ ở thuộc quyền quản lý của H tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Anh T và bị cáo Ngô Ngọc Q: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Hồi 02 giờ 15 phút ngày 04/7/2019 tại phòng nghỉ số 30M Khách sạn M thuộc tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Lê Anh T và Ngô Ngọc Q có hành vi tàng trữ trái phép 1,72 gam (một phẩy bảy hai gam) Methamphetamine với mục đích sử dụng cho bản thân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại nhiều mặt của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 251, Điều 256 và Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Triệu Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251; tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Anh T và bị cáo Ngô Ngọc Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

b). Phạm tội 02 lần trở lên”.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a...

b...

c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[3]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về nhân thân:

Bị cáo Phạm Văn H là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu. Ngày 14/01/2019, Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Bị cáo đã bị xét xử về tội danh trộm cắp tài sản vào năm 2007. Bị cáo đã được cải tạo, giáo dục, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Triệu Minh H là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu. Mặc dù bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt hành chính nhiều lần liên quan đến hành vi cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng lần lượt vào các năm 2006 và 2013 (năm 2006 bị xử phạt hành chính 02 lần về hành vi cố ý gây thương tích). Bị cáo đã được nhắc nhở, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Bị cáo Lê Anh T là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu. Mặc dù bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt hành chính liên quan đến hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 04/6/2018 (hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng). Bị cáo đã được nhắc nhở, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Bị cáo Ngô Ngọc Q là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu. Mặc dù bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt hành chính liên quan đến ma túy vào ngày 05/12/2018 (hình thức xử phạt cảnh cáo). Bị cáo đã được nhắc nhở, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Triệu Minh H: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo quanh co chối tội nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Triệu Minh H có bố là ông Triệu Quốc T là thương binh, mẹ là bà Nguyễn Thị T được tặng thưởng huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Lê Anh T và bị cáo Ngô Ngọc Q: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng cho rằng trong vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy với bị cáo Lê Anh T, bị cáo Ngô Ngọc Q đồng phạm nhưng có vai trò thứ yếu. Theo quy định tại tiểu mục 4 mục I Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì hành vi phạm tội của bị cáo Q được coi là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này của Kiểm sát viên là không có cơ sở chấp nhận. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Q tại phiên tòa, bị cáo biết bị cáo T mua ma túy với ai. Khi bị cáo T mang ma túy trở lại khách sạn bị cáo đã được sử dụng chung ma túy và tích cực giúp đỡ bị cáo T che dấu hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy khi công an tiến hành kiểm tra đối với phòng 30M mà hai bị cáo thuê tại khách sạn M.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là những đối tượng không thể tự cải tạo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Triệu Minh H: Bị cáo Phạm Văn H là người trực tiếp tìm mua ma túy, vừa trực tiếp chia nhỏ ma túy, vừa trực tiếp tham gia bán ma túy nên bị cáo là người khởi xướng giữ vai trò chính trong vụ án có tính chất đồng phạm và phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo Triệu Minh H. Do bản thân nghiện chất ma túy và

mong muốn được thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy nên khi được bị cáo Phạm Văn H rủ rê bị cáo Triệu Minh H đã tích cực tham gia cùng bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò là người thực hành tích cực.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Anh T và bị cáo Ngô Ngọc Q: Bị cáo Lê Anh T là người trực tiếp tìm mua ma túy đem về cùng bị cáo Q sử dụng nên bị cáo là người khởi xướng giữ vai trò chính trong vụ án có tính chất đồng phạm và phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo Ngô Ngọc Q. Khi bị cáo T mua ma túy về, bị cáo Ngô Ngọc Q đã cùng sử dụng. Với mong muốn được hưởng lợi từ việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên khi bị cáo T đưa ma túy cho để cất giấu hộ bị cáo Q đã tích cực tham gia cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò là người thực hành tích cực.

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo Phạm Văn H từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Triệu Minh H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Anh T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Ngô Ngọc Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”; khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”; khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng...”. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về những vấn đề khác:

Về nguồn gốc số ma túy, Phạm Văn H khai mua với một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, khoảng 40 tuổi tại khu vực bến xe khách cũ thuộc tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Việc trao đổi mua bán không ai biết và chứng kiến nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng không có đủ căn cứ để xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với nguồn gốc số ma túy Lê Anh T khai mua với một người đàn ông tên H nhà ở khu vực phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nhưng không biết tên, địa chỉ cụ thể của người này ở đâu và việc trao đổi mua bán ma túy không ai biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng không đủ căn cứ để xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chủ Khách sạn M, trong quá trình kinh doanh không biết được mục đích của Lê Anh T và Ngô Ngọc Q đến thuê phòng là để sử dụng trái phép chất ma túy nên không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nông Minh T và Phan Đức T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T (bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng tại quyết định số 211/QĐ-XPVPHC ngày 19/9/2019) và T (bằng hình thức cảnh cáo tại quyết định số 212/QĐ-XPVPHC ngày 19/9/2019).

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, biển kiểm soát 11X1-044.4S thu giữ đối với Lê Anh T, quá trình điều tra xác định T mượn chiếc xe này của bà Đào Thị M (sinh năm 1970; trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) để đi lại. Bà M không biết T sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại chiếc xe cho bà M để tiếp tục quản lý và sử dụng theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 18/9/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động mặt sau có chữ Iphone màu trắng bạc có số IMEI: 354436060092309; 01 (một) điện thoại di động mặt trước có chữ IteL màu xanh số IMEI: 359623092711262; tiền Việt Nam 1.710.000 đồng (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tạm giữ của Nông Minh T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành trả lại cho Nông Minh T theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 17/9/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân “QT01” (mẫu 01) vụ: Triệu Văn H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân “QT01” (mẫu 02) vụ: Triệu Văn H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: tang vật cân (QT) vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân khám xét (KX) vụ: Triệu Văn H, sinh năm 1983; Phạm Văn H, sinh năm 1985; 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) cân điện tử hình tròn màu đen; 02 (hai) cân điện tử màu đen bạc là tang vật của vụ án cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen Nokia, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 354496097319976 là chiếc điện thoại Lê Anh T đã liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với Phạm Văn H nên cần tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng có chữ OPPO, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 863632039066671 là điện thoại của Lê Anh T sử dụng liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Anh T nên cần trả lại.

- Số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng:

354820/09/238391/9 không liên quan đến hành vi phạm tội của Ngô Ngọc Q nên cần trả lại cho Ngô Ngọc Q, tuy nhiên tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu đen trắng, có số IMEI: 355820000073405 không liên quan đến hành vi phạm tội của Triệu Minh H nên cần trả lại cho Triệu Minh H, tuy nhiên tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền Phạm Văn H bán ma túy cho Lê Anh T mà có được nên cần tịch thu, sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 8676090031320575 là điện thoại Phạm Văn H sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với Lê Anh T nên cần tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 869115045298011 và số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) là tài sản của bị cáo Phạm Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo tuy nhiên tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B, có số khung RL CUG101KY135142, số máy: D1-4411. Chiếc xe này bị cáo sử dụng để mang ma túy lên nhà bị cáo Triệu Văn H. Mặc dù, bị cáo đứng tên trên giấy đăng ký xe nhưng chiếc xe được mua bằng tiền của bố bị cáo và chiếc xe này gia đình bị cáo vẫn sử dụng chung hàng ngày nên không cần phải tịch thu mà trả lại cho bị cáo.

- Bị cáo Phạm Văn H đã bán ma túy cho bị cáo Lê Anh T được số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng đã tạm giữ và được chuyển theo vụ án. Số tiền 2.260.000 đồng còn lại bị cáo đã tiêu xài cá nhân nên cần truy thu để sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo số tiền này.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Phạm Văn H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".
- Bị cáo Triệu Minh H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".
- Bị cáo Lê Anh T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
- Bị cáo Ngô Ngọc Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Căn cứ: khoản 1 Điều 251; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 04/7/2019.

Buộc bị cáo Phạm Văn H phải nộp lại số tiền 2.260.000 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 256; khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Triệu Minh H.

Xử phạt bị cáo Triệu Minh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Triệu Minh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 04/7/2019.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Anh T.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 04/7/2019.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Ngô Ngọc Q.

Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc Q 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 04/7/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân “QT01” (mẫu 01) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019, tại: Tổ B, phường Đ, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân “QT01” (mẫu 02) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983 và Phạm Văn H, sinh năm 1985. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 04/7/2019, tại: Tổ B, phường Đ, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: tang vật cân (QT) vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990, HKTT: Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 04/7/2019. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi tang vật cân khám xét (KX) vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983; Phạm Văn H, sinh năm 1985. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày: 04/7/2019 tại tổ B, phường Đ, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 03 (ba) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

+ 01 (một) cân điện tử hình tròn màu đen.

+ 02 (hai) cân điện tử màu đen bạc.

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen Nokia, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 354496097319976 trong phong bì niêm phong ghi vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990, HKTT: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 04/7/2019. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 867609031320575 trong phong bì niêm phong ghi vụ Phạm Văn H. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong tiền Việt Nam: 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) mặt trước ghi vụ: Phạm Văn H, sinh năm 1985, HKTT: Tổ B, phường S, thành phố C. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Anh T:

+ 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng có chữ OPPO, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 863632039066671, trong phong bì niêm phong ghi vụ: Lê Anh T, sinh năm 1990, HKTT: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 04/7/2019. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Ngọc Q:

+ 01 (một) phong bì niêm phong tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mặt trước ghi vụ: Ngô Ngọc Q, sinh năm 1991, HKTT: Xóm B, H, H, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 354820/09/238391/9 trong phong bì niêm phong ghi vụ: Ngô Ngọc Q, sinh năm 1991, HKTT: Xóm 04, Hồng Quang, H

Đạo, thành phố Cao Bằng. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Minh H:

+ 01 (một) phong bì niêm phong tiền Việt Nam: 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) mặt trước ghi vụ: Triệu Minh H, sinh năm 1983, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy (theo quyết định chuyển vật chứng là Mua bán trái phép chất ma túy). Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu đen trắng, có số IMEI: 355820000073405 trong phong bì niêm phong ghi vụ Triệu Minh H, sinh năm 1983, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H:

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen, có số IMEI theo quyết định chuyển vật chứng: 869115045298011 trong phong bì niêm phong ghi vụ Phạm Văn H. Mặt sau có chữ ký của điều tra viên cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong tiền Việt Nam: 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) ghi vụ: Phạm Văn H, sinh năm 1985, HKTT: Tổ B, phường S, thành phố C. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng NH tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ 1 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen, biển kiểm soát 11B1-362.1B, có số khung RL CUG101KY135142, số máy: D1-4411, xe cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/10/2019.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Phạm Văn H, Triệu Minh H, Lê Anh T, Ngô Ngọc Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai